

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phá sản ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.



3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trong xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản là một năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hiệu nói trên mà vi phạm hành chính mới bị phát hiện thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Người có thẩm quyền xử phạt nếu có lỗi trong việc để quá thời hiệu xử phạt thì bị xử lý theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.



3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu người vi phạm thực hiện vi phạm hành chính mới trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 7 của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 7. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức quy định tiền phạt tối đa đối với một hành vi vi phạm trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản là 15.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại các điều của Chương II Nghị định này.

3. Trong trường hợp phạt tiền thì mức phạt tiền cụ thể đối với một vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt; đối với trường hợp vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không dưới mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt. Đối với trường hợp vi phạm hành chính có cả tình tiết tăng nặng lẫn tình tiết giảm nhẹ, thì tùy theo tính chất, mức độ của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đó mà người có thẩm quyền quyết định áp dụng mức phạt cao hơn, thấp hơn mức trung bình hoặc áp dụng mức trung bình của khung tiền phạt.



Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 8. Hành vi cản trở, gây khó khăn trong việc thực hiện quyền nộp đơn

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở, gây khó khăn trong việc thực hiện quyền nộp đơn của những người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản được quy định tại các Điều 13, 14, 16, 17, 18 của Luật Phá sản.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ nộp đơn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi của chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong thời hạn quy định tại Điều 15 của Luật Phá sản.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chủ doanh nghiệp, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã nộp đơn theo yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, xuất trình giấy tờ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời tài liệu do pháp luật quy định theo yêu cầu của Tòa án;

b) Không sửa đổi đơn, bổ sung tài liệu hoặc quá hạn trong việc sửa đổi đơn, bổ sung tài liệu theo yêu cầu của Tòa án.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã có hành vi không xuất trình cho Tòa án các giấy tờ, tài liệu trong thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật phá sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp đầy đủ các tài liệu cho Tòa án đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;



b) Buộc sửa đổi đơn, tài liệu theo yêu cầu của Tòa án đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc xuất trình giấy tờ, tài liệu cho Tòa án đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm trách nhiệm của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do không khách quan, gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người nộp đơn có hành vi gian dối trong việc yêu cầu mở thủ tục phá sản, gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã khi đã có quyết định mở thủ tục phá sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản mà có một trong các hành vi sau đây khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của thẩm phán:

a) Cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán, tặng cho, cho thuê tài sản;

b) Nhận tài sản từ hợp đồng chuyển nhượng;

c) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

d) Vay tiền;

đ) Bán, chuyển đổi cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản;

e) Thanh toán các khoản nợ mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi đã nhận được quyết định mở thủ tục phá sản mà có một trong các hành vi sau đây:



- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Thanh toán nợ không có bảo đảm;
- c) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

d) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về thời hạn và nghĩa vụ kiểm kê tài sản

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không thực hiện việc kiểm kê tài sản theo bảng kê chi tiết đã nộp cho Tòa án và xác định giá trị các tài sản đó trong thời hạn quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện việc kiểm kê tài sản theo bảng kê chi tiết đã nộp cho Tòa án và xác định giá trị các tài sản đó trong thời hạn quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý có tài khoản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án áp dụng thủ tục thanh lý mà vẫn thực hiện việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã đó, trừ trường hợp việc thanh toán được thẩm phán phụ trách tiến hành phá sản đồng ý bằng văn bản.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án áp dụng thủ tục thanh lý mà thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm bù trừ hoặc thanh toán các khoản doanh nghiệp, hợp tác xã vay của tổ chức tín dụng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các khoản đã thanh toán hoặc bù trừ không đúng quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.



Điều 15. Hành vi vi phạm thông báo về tình trạng phá sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản mà không thông báo công khai cho nhân viên và người lao động của mình biết sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thông báo công khai quyết định mở thủ tục phá sản đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của nhân viên, người lao động liên quan đến thủ tục phá sản

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên, người lao động có hành vi che giấu tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi được thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã đã nhận được quyết định mở thủ tục phá sản.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên, người lao động có hành vi tẩu tán, chuyển nhượng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi được thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã đã nhận được quyết định mở thủ tục phá sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tài sản đã bị tẩu tán, chuyển nhượng trái quy định đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không thực hiện việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ và nộp cho Tòa án có thẩm quyền trong thời hạn quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và nộp cho Tòa án có thẩm quyền trong thời hạn quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm quy định về giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không gửi báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Tòa án có thẩm quyền trong thời hạn quy định.



2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện việc gửi báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho Tòa án có thẩm quyền trong thời hạn quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về tham gia Hội nghị chủ nợ

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi của chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản không tham gia Hội nghị chủ nợ mà không có lý do chính đáng hoặc người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại các Điều 15, 16, 17 và 18 của Luật Phá sản không tham gia Hội nghị chủ nợ nhưng không uỷ quyền cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ mà không có lý do chính đáng.

Chương III THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt của Tòa án nhân dân

1. Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh tòa Tòa án nhân dân tối cao có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;



d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 21. Thẩm quyền xử phạt của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

Chương IV
THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 22. Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính

Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính hoặc nhận được báo cáo, biên bản về hành vi vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kiểm tra, xác minh, ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Quyết định đình chỉ có thể là quyết định bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác tùy từng trường hợp vi phạm cụ thể.

Điều 23. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền đang thi hành nhiệm vụ, công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính trừ trường hợp xử phạt bằng hình thức phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính phải tuân thủ quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 22 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 24. Quyết định xử phạt

1. Việc ra quyết định xử phạt theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 23 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 25. Thủ tục phạt tiền, thu nộp tiền phạt

Thủ tục phạt tiền, thu nộp tiền phạt thực hiện theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 27, Điều 28 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 26. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoãn chấp hành quyết định phạt tiền, nộp tiền phạt nhiều lần

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quá thời hạn này, nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Sau khi ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải giao quyết định cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt hoặc thông báo cho họ đến nhận; thời điểm cá nhân, tổ chức bị xử phạt nhận được quyết định xử phạt được coi là thời điểm giao quyết định xử phạt.

Trường hợp đã qua một năm mà người có thẩm quyền không thể giao quyết định xử phạt đến cá nhân, tổ chức bị xử phạt do người đó không đến nhận và không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác được xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

2. Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Cá nhân được hoãn chấp hành quyết định được trả lại giấy tờ hoặc tang vật, phương tiện đã bị tạm giữ theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.



3. Việc nộp tiền phạt nhiều lần được thực hiện theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 57 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 27. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành

1. Việc cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Việc chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 30 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 28. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 29. Quyết định buộc khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt

1. Trong trường hợp quá thời hiệu xử phạt được quy định tại Điều 5 và trường hợp quá thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại Điều 24 Nghị định này, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt nhưng vẫn có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Việc ra quyết định buộc khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 30. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền.

Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những hành vi trái pháp luật về xử phạt hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản.

2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 31. Xử lý đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản mà sách nhiễu, dung túng, bao che cho người vi phạm, không xử phạt hoặc xử phạt không đúng mức, xử phạt vượt thẩm quyền, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, công dân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản, nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009./

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b). A. 290



Nguyễn Tấn Dũng